

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:09/2020/DS-PT

NHÂN DANH

Ngày: 06/ 3 /2020.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

V/v: "*Tranh chấp QSD đất* "

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thi và bà Nguyễn Thị Thu Từ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký TAND tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung . Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị L – sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn 4, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Xin Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Võ Hữu H – sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: xóm 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Ông Võ Hữu N - sinh năm 1956. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

(Xóm 3 và xóm 4 nay sát nhập đổi tên là xóm V).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị X - Sinh năm: 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Ông Võ Hữu Đ - sinh năm 1939. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 2 (nay đổi là xóm Đ), xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông Đ: Ông Nguyễn Trọng T sinh năm 1965.

Địa chỉ : Xóm 10 (nay là xóm 7) xã M, huyện Đ, N.A. Có mặt

- Ông Võ Hữu K – sinh năm 1951, Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Ông Võ Hữu P – sinh năm 1965, Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

- Các cháu: Trần Văn P – sinh năm 2002, Trần Văn N – sinh năm 2009, Trần Thị U – sinh năm 2006

Người đại diện hợp pháp của các cháu là: anh Trần Ngọc T – sinh năm 1969. Điều cư trú tại thôn 4, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai. Xin Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1968. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: Bà Đào Thị L là nguyên đơn và ông Trần Ngọc T, Ông Võ Hữu Đ là người có quyền, nghĩa vụ liên quan vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

- Theo nguyên đơn là bà Đào Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các cháu Trần Văn P, Trần Văn N và Trần Thị U trình bày:

Bà L lấy chồng là ông Võ Hữu H năm 1973 đã tạo dựng được thửa đất số 3, tờ bản đồ số 15, diện tích 600m² tại xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An và đã xây dựng 01 ngôi nhà đá 3 gian gắn liền trên đất từ năm 1988. Ông bà sinh được 01 người con là chị Võ Thị B. Chồng chị B là anh Trần Ngọc T và các con chung là Trần Thị N, Trần Văn P, Trần Thị U, Trần Văn N hiện đang cư trú tại xã I, huyện Ia, Gia Lai. Chị B mất ngày 04/10/2017, Ông H mất ngày 14/12/2017 đều không để lại di chúc.

Năm 2008, bà L và ông H đã bán 350m² đất cho vợ chồng ông Võ Hữu N và bà Hoàng Thị X. Ông N – bà X đã được UBND huyện Đô Lương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số H00008CN, ngày 01/8/2008. Diện tích đất còn lại 250m² thì UBND huyện Đô Lương cấp Giấy CNQSD Đ cho ông H – bà L số H00007-117QĐ.UB ngày 21/5/2008. Ngôi nhà đá gắn liền trên đất ông H, bà L thì ông H đã bán cho Ông N với giá 2.000.000 đồng vào ngày 25/5/2008.

Bà L khẳng định, bà không tặng cho bất kỳ ai diện tích 250m² đất còn lại và 2 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà ông H với Ông N giao nộp cho Tòa án cũng không phải do ông bà ký vào, đó là tài liệu giả mạo. Bà cũng thừa nhận là ông H và chị B có bán đất cho anh Nguyễn Mỹ Th nhưng bà không biết rõ nội dung sự việc như thế nào.

Khi Ông N – bà X xây nhà có lấn đất của gia đình bà L nên chị B đã yêu cầu trả lại đất nhưng chưa giải quyết.

Nay bà L, cháu P, cháu N, cháu U yêu cầu Tòa án buộc Ông N bà X phải trả lại phần đất lấn chiếm theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (1,5m²), trường hợp Ông N – bà X bồi thường bằng tiền thì đồng ý giao cho Ông N – bà X

quyền sử dụng đất; buộc ông Đ, ông K, ông P, Ông N bà X phải tháo dỡ ngôi nhà đã mua vào năm 2008 để trả lại nguyên trạng đất cho bà L và các cháu.

Số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là do ông H bỏ tiền ra nộp 5.000.000 đồng, không phải tiền của bà L. Bà L yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

- Theo bị đơn là ông Võ Hữu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị X trình bày:

Năm 2005, ông bà mua của ông H – bà L 350m² đất tại xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Năm 2008, vợ chồng ông bà đã hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng và được UBND huyện Đô Lương cấp Giấy CNQSD Đ tại số thửa 1997, tờ bản đồ số 15. Ngày 25/5/2008, Ông N thay mặt anh em trong gia đình đứng ra mua ngôi nhà đá 3 gian của vợ chồng ông H với giá 2.000.000 đồng, mục đích là để làm tài sản chung cho anh em nơi thờ cúng cha mẹ. Khi đó, Ông N bỏ ra 800.000 đồng, còn ông H bỏ ra 1.200.000 đồng. Giấy bán nhà do Ông N viết tay, đề tên “Giấy bán nhà ở liền cư” có nghĩa là bán nhà gắn liền với đất ở. Ngôi nhà này Ông N - bà X đồng ý hiến làm nhà thờ và bà X từ chối mọi quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến ngôi nhà.

Trước khi ông H vào Gia Lai, Ông N đã xây bờ rào trên đất, có cán bộ địa chính và ông H xác định chỉ giới; tuy nhiên, do không thực hiện bằng máy móc nên đã chồng lấn sang đất của ông H – bà L 1,5m² tương ứng 1.950.000 đồng. Ông bà đề nghị được tiếp tục sử dụng phần đất lấn và bồi thường số tiền 1.950.000 đồng cho gia đình bà L.

Hiện ngôi nhà đá 3 gian cũ đang làm nơi thờ cúng cha mẹ và ông H nên Ông N không chấp nhận việc tháo dỡ nhà và trả lại đất cho bà L do đây là nhà thờ cúng. Trường hợp bà L về xóm 3 xã N để sinh sống thì Ông N giao lại nhà đất cho bà L ở; còn nếu bà L đòi đất để giao lại cho ông H thì Ông N không đồng ý. Nếu không thể hòa giải được thì Ông N đề nghị ½ đất của bà L thì bà L quyết định cho ai là việc của bà; ½ đất còn lại là của ông H thì phải dành để anh em thờ cúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu Đ, ông Võ Hữu K, ông Võ Hữu P trình bày: Các ông là em trai của ông H, do vợ chồng ông H – bà L chuyển vào Gia Lai sống chung với con gái nên năm 2008, ông H – bà L đã lập Hợp đồng tặng 250m² đất tại xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cho các em trai là Đ, K, N, H, P nhưng không xin xác nhận của chính quyền địa phương và cũng không làm thủ tục tặng cho theo pháp luật. Ngày 25/5/2008, ông H đã bán ngôi nhà đá 3 gian liền đất ở cho mấy anh em để làm nơi thờ cúng cha mẹ với giá 2.000.000 đồng, khi ấy Ông N thay mặt anh em đứng ra lập “giấy bán nhà ở liền cư”, tiền thì Ông N góp 800.000 đồng và ông H góp 1.200.000 đồng để trả. Lúc đầu mấy anh em cùng thờ cúng, sau đó ông H tách riêng nên ông Đ thay mặt 4 anh em trả số tiền 2.200.000 đồng cho ông H nhưng không làm giấy tờ giao nhận. Năm 2017, ông H mất được lập bàn thờ riêng trong ngôi nhà này. Do ông H kiếm chuyện để chiếm đất của ông H nên ông Đ, ông K, ông P không đồng ý tháo dỡ nhà và trả lại đất cho bà L. Nếu bà L về xóm 3 xã N để sinh sống

thì các ông sẵn sàng giao nhà đất cho bà L ở. Còn ông H muốn có đất thì các ông đồng ý trích 1/5 diện tích đất để giao lại cho ông H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu H và bà Nguyễn Thị M* trình bày: năm 2008, trước khi vợ chồng anh trai là ông H – bà Hiền chuyển vào Gia Lai sinh sống đã tặng cho vợ chồng ông H – bà Mùi 250m² đất tại thửa số 3, tờ bản đồ số 15, xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An nhưng chỉ lập Hợp đồng tặng cho mà không có chứng thực.

Ngày 28/5/2009, ông H, bà L đã bán 250m² đất cho anh Nguyễn Mỹ Th với giá 130.000.000đ, anh Thắng trả trước 60.000.000đ. Khi ông H thuê bộ đội đến dỡ ngôi nhà đá khỏi đất để giao đất cho anh Thắng thì bị Ông N, ông Đ, ông K, ông P ngăn cản nên không tháo dỡ được vì trước đó đã bán cho Ông N. Do không làm được Giấy CNQSD đất nên năm 2016, anh Thắng không mua đất nữa và năm 2018, ông H đã đưa số tiền 60.000.000đ đến trả cho anh Thắng và chuộc bìa đỏ về giữ. Ông H cũng là người bỏ ra hơn 70 triệu đồng lo chữa trị, mai táng và đưa ông H về thờ tự tại xóm 3 xã N nên bà L cam kết sẽ chuyển 250m² đất cho ông H để trừ nợ.

Ông H cho rằng, số tiền 1.200.000đ mà ông góp cùng với Ông N để mua ngôi nhà đá chưa được ông Đ trả như trình bày của ông Đ.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền cho bà L, ông H đề nghị Tòa án buộc Ông N, ông K, ông Đ, ông P phải tháo dỡ ngôi nhà đá trên đất để trả lại nguyên trạng đất cho bà L. Còn phần nhà của Ông N – bà X xây lán trên đất của bà L thì ông H cũng đồng ý với đề nghị bồi thường bằng tiền của bị đơn.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 5.000.000đ là ông nộp, không phải tiền của bà L. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Bà Mùi đề nghị không hưởng quyền lợi gì liên quan đến quyền sử dụng đất vì hợp đồng tặng cho đất đã bị vô hiệu, còn số tiền đóng góp mua nhà thờ thì thuộc quyền sở hữu của ông H.

Với nội dung trên

Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã Quyết định: Áp dụng:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 129; Điều 158; Điều 160; Điều 163, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 129 Luật đất đai 2003; Điều 166, Điều 167; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 12, Điều 92 Luật nhà ở. Khoản 3 Điều 69, Điều 76, Điều 77 Luật hôn nhân gia đình

Xử: [1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Võ Hữu N và bà Hoàng Thị X phải trả lại số tiền 1.950.000đ , trị giá 1,5m² đất thuộc thửa số 3 tờ bản đồ số 15 tại xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh

Ông Đ được sở hữu 6.000.000 đồng, ông K được sở hữu 6.000.000 đồng, Ông N được sở hữu 6.000.000 đồng, ông P được sở hữu 6.000.000 đồng, ông H được sở hữu 6.000.000 đồng do bà L, cháu N, cháu U, cháu P trả lại.

Ngoài ra Bản án còn tuyên nghĩa vụ của ông T quản lý tài sản đối với các con chưa thành niên, chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 bà Đào Thị L có Đơn kháng cáo, với nội dung: Không thống nhất 3 nội dung của Bản án sơ thẩm: Ngôi nhà mà chồng và con gái đã bán cho Ông N, năm 2008 giá 2.000.000đ là để tháo dỡ nên phải tháo dỡ khỏi đất bà. Phần thừa kế đã có Thông báo phân chia của Văn phòng công chứng Lê Hoàng được UBND xã xác nhận. Phần tiền thẩm định 5.000.000đ không nhất trí chia đều cho nguyên đơn.

Ngày 02/10/2019 ông Võ Hữu Đ có Đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án Đô Lương xét xử không đúng vì đất đai và nhà thờ là của chung của mấy anh em còn bà L, chị B đều không có Giấy kết hôn nên không có quyền. Tiền ông H đưa 1.200.000đ thì Tòa chấp nhận, tiền tôi (ông Đ) đưa 2200đ thì Tòa bác bỏ đề nghị Tòa án về xã kiểm tra. Bìa đồ cấp cho ông H không có tên bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H được bà L ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, ông Đ giữ nguyên nội dung khởi kiện, hai bên không thống nhất nội dung giải quyết vụ án.

Phía ông H bổ sung nội dung khởi kiện là Đất của bà L đã được lập văn bản phân chia, đã qua thủ tục công chứng, được UBND xã Iato xác nhận nên là đất của bà L, chị B và các con của chị B không có quyền gì nữa vì đã nhận 60.000.000đ của anh Thắng. Chi phí thẩm định do Ông N làm sai thì Ông N phải chịu toàn bộ. Đề nghị Tòa án buộc các Ông N, ông Đ, ông P, ông K dỡ nhà để trả lại đất cho bà L và giải quyết vụ án theo pháp luật.

Phía ông Đ và ông T (người bảo vệ quyền lợi cho ông Đ) đề nghị: Căn cứ vào Giấy bán nhà vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông H thì các ông Đ, N, P, K là chủ sử dụng đất. Đề nghị giữ nguyên ngôi nhà và 1 phần đất để làm nơi thờ cúng.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS, người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn và thuộc trường hợp được miễn án phí nên chấp nhận. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho đều vô hiệu, có cơ sở xác định ông H bán nhà dỡ đi và giao cho bà L quyền sử dụng đất là đúng quy định Tuy nhiên phân trách nhiệm liên đới phải trả tiền không tuyên kỹ phần cụ thể gây khó khăn cho công tác thi hành án, di sản của ông H là 1/2 khối tài sản chưa phân chia nhưng không tuyên quyền cho các đương sự là không đảm bảo quyền lợi cho họ đề nghị cần sửa án sơ thẩm để khắc phục vi phạm trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo ông Đ, bà L nạp trong hạn luật định vì vậy chấp nhận việc kháng cáo của ông đúng quy định và cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà L: Về yêu cầu tháo dỡ ngôi nhà: Xét thấy ngôi nhà đã 3 gian bán cho Ông N với giá 2.000.000đ. Căn cứ vào Giấy bán nhà chỉ xác định Ông N mua để thờ cúng mà không ghi rõ Ông N phải dỡ đi. Cấp sơ thẩm đã xác định giá trị sử dụng, giao cho bà sử dụng, bà phải trả giá trị tài sản là đảm bảo quyền lợi của các bên nên không chấp nhận việc buộc Ông N dỡ đi. Về thông báo phân chia di sản thừa kế để xác định bà L là người thừa kế Tòa án chưa giải quyết trong vụ án này nên cấp phúc thẩm không thể xem xét, những người có quyền có thể xác lập quyền sử dụng, sở hữu theo thủ tục hành chính hoặc khởi kiện theo quy định nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo bổ sung như ông H yêu cầu. Về tiền chi phí thẩm định, cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định mặt khác số tiền này ông H bỏ ra và trả cho ông H nhưng ông H không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Tại phiên tòa ông H bổ sung đề nghị Ông N phải chịu toàn bộ nhưng xét thấy vụ án có 2 yêu cầu khác nhau, bị đơn và những người liên quan đều phải chịu nghĩa vụ và được hưởng nên chia từng người là đúng quy định

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ

Ông Đ xác định nhà, đất đang tranh chấp là tài sản chung của mấy anh em đã được chuyển nhượng để thờ cúng nhưng xét thấy thủ tục chuyển nhượng, tặng cho không theo đúng quy định. Về bản chất ông H chỉ bán nhà không chuyển nhượng đất thể hiện việc ông thuê người dỡ nhà, bán và nhận tiền cọc của anh Thắng nên ông Đ kháng cáo nhà, đất là tài sản chung của 4 anh em là không có cơ sở. Về quan hệ hôn nhân của bà L được xác nhận là hôn nhân thực tế đúng quy định. Giấy CNQSD Đ của hộ ông H nhưng sau khi cấp Giấy CNQSD Đ mới đã đứng tên ông H, bà L thể hiện là tài sản chung.

Về việc ông Đ giao cho ông H 2.200.000đ, ông H không thừa nhận xét thấy tại Biên bản hòa giải của UBND xã N(Bút lục số 61) ghi : " Ông H đưa cho Ông N 1,2t nay anh em trả lại thì ông H không nhận". Thể hiện anh em có bàn trả tiền lại cho ông H nhưng ông H không nhận nên không có cơ sở xác định: Ông Đ giao cho ông H 2.200.000đ.

Trên cơ sở lập luận trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo ông Đ cũng như bà L.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc không tuyên kỷ phần cụ thể của bà L, cháu Nguyên, cháu Phụng, cháu Uyên thì các cháu chưa thành niên nên tuyên trách nhiệm liên đới mà không cần thiết chia kỷ phần cụ thể cho các

cháu nên không cần thiết phải chia kỷ phần và sửa án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận cho nên ông Đ, bà L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nhưng họ thuộc diện thuộc người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị L và ông Võ Hữu Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 129; Điều 158; Điều 160; Điều 163, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 129 Luật đất đai 2003; Điều 166, Điều 167; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 12, Điều 92 Luật nhà ở. Khoản 3 Điều 69, Điều 76, Điều 77 Luật hôn nhân gia đình

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Võ Hữu N và bà Hoàng Thị X phải trả lại số tiền 1.950.000đ (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), trị giá 1,5m² đất thuộc thửa số 3 tờ bản đồ số 15 tại xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cho bà Đào Thị L, cháu Trần Văn P, cháu Trần Thị U, cháu Trần Văn N.

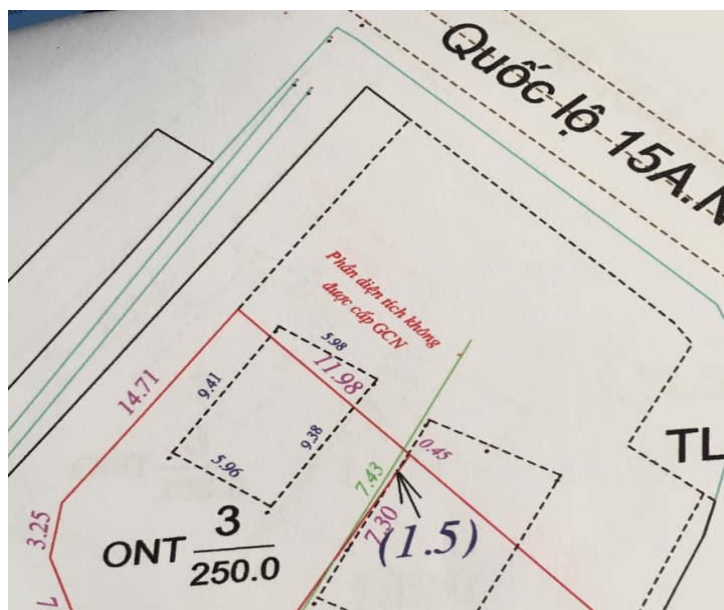
Ông N, bà X được quyền sử dụng 1,5m² đất (đất nằm trong bờ tường bao do Ông N – bà X xây dựng năm 2008) có vị trí cụ thể:

Phía Tây Bắc giáp phần đất thuộc thửa số 3 (ông H – bà L) kích thước 7,43m;

Phía Đông Bắc giáp hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 15, kích thước 0,45m;

Phía Đông giáp thửa đất 1996 của Ông N – bà X, kích thước 7,3m.

Đất được thể hiện tại Sơ đồ sau:



Ông N và bà X có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng diện tích 1,5m² đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Võ Hữu Đ, ông Võ Hữu K, ông Võ Hữu N, ông Võ Hữu P trả lại 248,5m² đất thuộc thửa số 3 tờ bản đồ số 15 tại xóm 3 xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An cho bà Đào Thị L, cháu Trần Văn P, cháu Trần Thị U, cháu Trần Văn N.

Bà Đào Thị L, cháu Trần Văn P, cháu Trần Thị U, cháu Trần Văn N được quyền sở hữu ngôi nhà đá 3 gian lợp ngói diện tích 55,9m² gắn liền trên thửa đất số 3 nêu trên nhưng bà L, cháu P, cháu N, cháu U có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ông Đ, ông K, ông P, Ông N, ông H.

Ông Võ Hữu Đ, ông Võ Hữu K, ông Võ Hữu P, ông Võ Hữu N và ông Võ Hữu H mỗi ông được sở hữu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) do bà L, cháu Nguyên, cháu U, cháu P trả lại.

Quyền và nghĩa vụ của cháu N, cháu U và cháu P do ông Trần Ngọc T (là bố) thực hiện, quản lý tài sản cho các cháu theo quy định của pháp luật dân sự.

[2]. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Võ Hữu Đ, ông Võ Hữu K, ông Võ Hữu N và bà Hoàng Thị X và ông Võ Hữu P mỗi người phải hoàn trả cho ông Võ Hữu H 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ cho ông Võ Hữu Đ, ông Võ Hữu K, ông Võ Hữu N và bà Hoàng Thị X.

Buộc ông Võ Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

Trả lại cho ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0005078 ngày 12 tháng 4 năm 2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Võ Hữu Đ và bà Đào Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành sau khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

VKSND tỉnh Nghệ An

- TAND, CC THADS H. Đô Lương.

-UBND xã N, Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà